

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Trọng Văn và ông Lưu Trọng Kim.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương S:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 26/1, đường số 5, thôn 3, xã Đh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 16, đường Lê Ngọc Hân, khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số 16, đường Lê Ngọc Hân, khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên vào ngày 10/02/2023, vợ chồng bà S ông T có vay mượn của bà K số tiền 19.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là để chi phí cho chuyện gia đình của bà S; khi vay hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là

06 tháng, có thỏa thuận miệng về lãi suất. Tuy nhiên, từ ngày vay cho đến nay, vợ chồng bà S không trả tiền cho bà K theo thỏa thuận, bà K đã nhiều lần đến nhà bà S để nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng bà S vẫn không trả nợ cho bà K; do đó, bà K yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà S ông T có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ là 19.000.000 đồng, bà K không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông T không biết đến khoản tiền vay của bà Lê Thị S và bà Nguyễn Thị K. Mục đích bà S mượn tiền sử dụng vào việc gì thì ông T không biết. Đến khoản thời gian gần đây khi bà K khởi kiện bà S thì ông T mới biết bà S có nợ số tiền trên. Ông T không đồng ý liên đới cùng bà S trả cho bà K số tiền 19.000.000 đồng vì ông T không liên quan đến số tiền này và trước đây bà K có cho bà S mượn tiền, ông T và các con đã đứng ra trả số tiền nợ trước đây cho bà K và cũng có nói rõ với bà K là không cho bà S tiền góp nữa, nếu có cho bà S mượn thì phải báo trước cho ông T. Theo ông T được biết thì khoản tiền bà K cho bà S vay là tiền góp hàng tháng với lãi suất khá cao.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà S và ông T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 19.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người cáo quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương S tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà S và ông T liên đới trả cho bà K số tiền nợ vay gốc là 19.000.000 đồng và không giải quyết về tiền lãi phát sinh.

Về án phí: Buộc bà S, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, đương S không nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương S đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương S cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền đề ngày 10/2/2023 (bản chính), đồng thời cam kết nội dung trong giấy mượn tiền đề ngày 10/2/2023 là do chính bà Lê Thị S, sinh năm 1972 có nơi cư trú: Khu phố 9, thị trấn Đt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận viết và ký tên bà Lê Thị S. Nguyên đơn đã đưa số tiền 19.000.000đồng cho bà S mượn theo thỏa thuận.

Theo nội dung thể hiện trong các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, có thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giấy mượn tiền đề ngày 10/2/2023 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác nhận và cam kết cho vợ chồng bà S vay số tiền 19.000.000 đồng đúng như giấy mượn tiền ghi ngày 10/2/2023 và yêu cầu vợ chồng bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ gốc nêu trên và không yêu cầu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hòa phiên tòa, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ghi ngày 10/2/2023 và lời khai cam kết của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận khoản tiền mà bà S vay mượn của bà K; tại phiên tòa, nguyên đơn một lần nữa khẳng định chữ ký và chữ viết tên “Lê Thị S” trong giấy mượn tiền lập ngày 10/2/2023 là do bà S trực tiếp ký và viết tên, còn nội dung *“Em tên Lê Thị S có mượn chị K 19.000.000, mười chín triệu chẵn để lo trong gia đình (con bệnh) hàng tháng trong vòng 6 tháng tôi trả đủ gốc lãi...”* trong giấy mượn tiền lập ngày 10/2/2023 cũng do chính bà S viết vào; mặt khác, việc bà S vay tiền của bà K được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà S và ông T và khi viết giấy nợ cho bà K thì cũng chính bà S ghi mục đích mượn tiền *“để lo trong gia đình (con bệnh)”* vào giấy nợ, tạo niềm tin để bà K cho vay tiền. Bà S và ông T không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của bà S trong thời kỳ hôn nhân với ông T. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà S và ông T liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay 19.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4.3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận giao dịch vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận miệng về lãi suất, tuy nhiên nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị K.

Buộc bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền nợ vay gốc là 19.000.000 (bằng chữ: Mười chín triệu) đồng.

2. Về án phí:

- Buộc bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 950.000 (bằng chữ: chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 475.000 (bằng chữ: bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004176 ngày 24 tháng 01 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Đương S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương S;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận